

**Số: /BC-UBND
(DỰ THẢO)**

Tiểu Cần, ngày tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao cho xã Hùng Hòa năm 2021

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X “*về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Công văn số 394/BNN-VPĐP, ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trong năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Công văn số 293/UBND-NN, ngày 25/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc triển khai thực hiện Công văn số 394/BNN-VPĐP, ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 36-KH/HU ngày 06/8/2021 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 15/4/2021 của Ban Chỉ đạo huyện về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện Tiểu Cần năm 2021,

Xét Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 29/10/2021 của UBND xã Hùng Hòa về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã Hùng Hòa đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Hùng Hòa, UBND huyện Tiểu Cần báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao cho xã Hùng Hòa năm 2021, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (ngày 04/11/2020)

I. VỀ HỒ SƠ

- Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 29/10/2021 của UBND xã Hùng Hòa về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Hùng Hòa đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021.

- Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 28/10/2021 của UBND xã Hùng Hòa về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2021 của xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Báo cáo số 79/BC-UBND ngày 27/10/2021 của UBND xã Hùng Hòa về tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm 2021 của xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Biên bản họp ngày 29/10/2021 của UBND xã Hùng Hòa đề nghị xét, công nhận xã Hùng Hòa đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021.

- Báo cáo số 78/BC-UBND ngày 26/10/2021 của UBND xã Hùng Hòa về việc thực hiện các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn xã từ năm 2017 – 2021.

II. VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí

1.1. Có lưu trữ đầy đủ hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã Nông thôn mới được phê duyệt theo quy định; Công khai niêm yết quy hoạch được phê duyệt (*kể cả khi điều chỉnh quy hoạch*) và hoàn thành cắm mốc quy hoạch (*có biên bản*).

1.2. Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt (*thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương*).

b) Kết quả thực hiện

1.1. Xã có lưu trữ đầy đủ hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới được phê duyệt theo quy định (Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của UBND huyện Tiểu Cần Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; Quyết định 1351/QĐ – UBND ngày 19/6/2018 của UBND huyện Tiểu Cần về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần); Bản đồ quy hoạch được công bố niêm yết công khai trước khu hành chính UBND xã.

1.2. Có quy định quản lý quy hoạch được UBND huyện phê duyệt theo Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND huyện và tổ chức triển khai thực hiện đúng theo quy hoạch được duyệt.

* **Tổng kinh phí thực hiện:** 0,175 tỷ đồng, vốn huyện.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

2.1. Có 100% km đường liên xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp B ($B_{\text{mặt}} \geq 3,5\text{m}$, $B_{\text{nền}} \geq 5\text{m}$) trở lên.

2.2. Có 70% km đường liên ấp được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ($B_{\text{mặt}} \geq 3\text{m}$, $B_{\text{nền}} \geq 4\text{m}$) trở lên.

2.3. Có 100% km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa và có 70% đạt cấp kỹ thuật từ cấp D ($B_{\text{mặt}} \geq 1,5\text{m}$, $B_{\text{nền}} \geq 2\text{m}$) trở lên.

2.4. Có 70% km đường trục chính nội đồng theo quy hoạch được cứng hóa, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ($B_{\text{mặt}} \geq 3\text{m}$, $B_{\text{nền}} \geq 4\text{m}$) trở lên.

2.5. Có 50% km đường liên xã, liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng.

2.6. Thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông đảm bảo không bị hư hỏng gây mất an toàn giao thông.

b) Kết quả thực hiện

2.1. Có 02 tuyến đường liên xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện, dài 3,6km đã được nhựa hóa đạt 100% đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt chuẩn theo quy định.

2.2. Xây dựng 04 tuyến đường nhựa ngang 3,5m và 01 tuyến đường nhựa ngang 5,5 m, tổng chiều dài 7,27km, tổng kinh phí 25,43 tỷ đồng. Nâng tổng Tổng số toàn xã có 07 tuyến dài 20,4 km, trong đó có 6 tuyến dài 15,5 km được xây dựng đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông – Vận tải, đạt 75,9% (tăng 19,1% so năm 2017).

2.3. Xây dựng 01 tuyến đường đal ngang 2m và nâng cấp 01 tuyến đường đal tổng chiều dài 1,8 km, tổng kinh phí 0,75 tỷ đồng. Nâng tổng số đến nay trên địa bàn xã có 23 tuyến đường ngõ xóm dài 26,32 km đảm bảo sạch và không lầy lội vào mùa mưa, đạt 100%, trong đó có 21 tuyến dài 23,92 km được cứng hóa, đạt 90.9% (tăng 1,7% so năm 2017).

2.4. Đường trục chính nội đồng: Có 02 tuyến dài 6,9 km, trong đó có 4,9 km đạt chuẩn theo quy định, đạt 71%.

2.5. Lắp đặt mới hệ thống chiếu sáng công cộng cho 5 tuyến đường với tổng chiều dài 11,5 km, tổng kinh phí 1,82 tỷ đồng. Nâng tổng số đến nay trên địa bàn xã có 6/9 tuyến đường liên xã, liên ấp, dài 12,1/24 km có hệ thống đèn chiếu sáng, đạt 50,6% (tăng 48,1% so năm 2017).

2.6. Hàng năm Ban Chỉ đạo xã thực hiện tốt việc khảo sát và có kế hoạch duy tu bảo dưỡng các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã, đảm bảo

không gây mất an toàn giao thông. Cụ thể đã sửa chữa được 4 tuyến đường đàng ngang 1,5 – 2m, xây mới 05 cây cầu BTCT, tổng kinh phí 7,72 tỷ đồng.

* Tổng kinh phí thực hiện:	35,72 tỷ đồng, trong đó:
- <i>Vốn Trung ương:</i>	10 tỷ đồng;
- <i>Vốn tỉnh:</i>	17,76 tỷ đồng;
- <i>Vốn huyện:</i>	1,49 tỷ đồng;
- <i>Vốn lồng ghép:</i>	1,33 tỷ đồng;
- <i>Vốn doanh nghiệp:</i>	0,72 tỷ đồng;
- <i>Vốn dân:</i>	4,42 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 90% trở lên.

3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện

3.1. Nạo vét được 7 lượt tuyến kênh cấp II và 26 lượt tuyến kênh cấp III, tổng chiều dài 22,65 km, khối lượng 126.646m³, tổng kinh phí 3,04 tỷ đồng. Hiện trên địa bàn xã có 12 tuyến kênh cấp II, dài 17,07 km; 48 kênh cấp III, dài 39,85 km; có 43 công kiên cố hóa được lắp đặt ở các tuyến kênh đầu mối, đảm bảo chủ động nước tưới tiêu, được quản lý có hiệu quả. Xã có 1.847,1/1.847,1 ha diện tích đất tự nhiên được tưới, đạt 100%; có 1.647/1.647 ha diện tích đất nông nghiệp được tưới, đạt 100%; có 14,2/14,2 ha diện tích đất nuôi trồng thủy sản được cấp, thoát nước, đạt 100%.

3.2. UBND xã phân công công chức nông nghiệp và UBND các ấp thường xuyên kiểm tra theo dõi, quản lý, vệ sinh hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn xã, đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh. Thực hiện tốt quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ (UBND xã ban hành Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc kiện toàn BCH Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã Hùng Hòa; Kế hoạch số 01/KH-PCTT ngày 15/6/2021 về Phòng, chống thiên tai năm 2021 trên địa bàn xã Hùng Hòa và Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 6/7/2021 của UBND xã Hùng Hòa về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã Hùng Hòa năm 2021; xây dựng Phương án số 01/PA-PCTT ngày 25/3/2021 về việc ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro năm 2021 trên địa bàn xã Hùng Hòa); có 100% cán bộ xã được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ về phòng, chống thiên tai; toàn xã có 27 cụm loa không dây đảm bảo thu, nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời và đầy đủ.

* Tổng kinh phí thực hiện:	3,04 tỷ đồng, trong đó:
- <i>Vốn tỉnh:</i>	1,45 tỷ đồng;
- <i>Vốn huyện:</i>	1,29 tỷ đồng;

- *Vốn dân:* 0,3 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí

4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.

4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện đạt từ 99% trở lên.

b) Kết quả thực hiện

4.1. Trên địa bàn xã có 23,596 km dây trung thế, 46,08 km đường dây hạ thế và 42 trạm biến áp tổng dung lượng 1200 KVA; đáp ứng phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn xã, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

4.2. Phát triển mới 133 hộ sử dụng điện, kinh phí 0,47 tỷ đồng. Nâng tổng số đến nay trên địa bàn xã có 1.904/1.904 hộ sử dụng điện thường xuyên và an toàn, đạt 100% (tăng 0,06% so năm 2017), trong đó có 11 hộ câu đuôi an toàn.

* **Tổng kinh phí thực hiện:** 0,47 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn doanh nghiệp:* 0,24 tỷ đồng;

- *Vốn dân:* 0,23 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí

Có từ 70% trở lên trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Công tác đẩy mạnh phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học được tập trung thực hiện, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của các trường được quan tâm đầu tư xây dựng, trang bị góp phần thực hiện đạt chuẩn các trường quốc gia theo quy định. Cụ thể: Xây dựng 8 phòng học, chức năng trường THCS; xây dựng 8 phòng học, 8 phòng chức năng trường Tiểu học B; xây dựng 10 phòng học, 6 phòng chức năng, xây mới hàng rào, cải tạo 5 phòng chức năng, 2 phòng học và công trình phụ trợ trường Mẫu giáo Mẫu giáo. Đến nay có 3/3 trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, đạt 100% (Trong đó: Trường Tiểu học Hùng Hòa B được công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2017 và trường Trung học cơ sở Hùng Hòa được công nhận đạt chuẩn quốc gia năm 2018)

- **Tổng kinh phí thực hiện:** 24,5 tỷ đồng, trong đó:

+ *Vốn tỉnh:* 24,25 tỷ đồng;

+ *Vốn huyện:* 0,25 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đảm bảo đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.

6.3. 100% ấp hoặc liên ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa; khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6.4. Nhà văn hóa xã, ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả; có hàng rào (*cây xanh hoặc hàng rào kiên cố*); có trồng hoa, cây cảnh, sạch đẹp.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

6.1. Xã có nhà văn hóa gồm 04 phòng chức năng (*có tủ sách, phòng đọc sách, báo và thư viện*), hội trường 250 chỗ ngồi; khu thể thao xã 10.000m² đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao của người dân toàn xã.

6.2. Hiện xã tận dụng nhà văn hóa xã, khuôn viên khu hành chính xã, nhà văn hóa và khu thể thao 7/7 ấp, sân vận động – sân bóng chuyên xã, làm điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.

6.3. Nâng cấp sửa chữa 02 nhà văn hóa ấp, kinh phí 1 tỷ đồng. Xã có 7/7 ấp có nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định, diện tích khuôn viên mỗi nhà văn hóa 300m² (*riêng nhà văn hóa ấp Hòa Trinh, Kinh có 01 hội trường 150 chỗ ngồi và sân bóng chuyên với tổng diện tích 800 m²*), đề các ấp sinh hoạt và tổ chức thể thao, phục vụ cộng đồng nhân các dịp lễ, tết,...

6.4. Xây mới 02 hàng rào nhà văn hóa ấp (*Từ Ô, Kinh*), hiện nay nhà văn hóa xã và nhà văn hóa 2/7 ấp đã xây dựng hàng rào cơ bản, 5/7 ấp nhà văn hóa có hàng rào cây xanh trong khuôn viên nhà văn hóa đều có trồng hoa, cây xanh đảm bảo xanh – sạch – đẹp.

* **Tổng kinh phí thực hiện:** 1,32 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn tỉnh:* 1 tỷ đồng;

- *Vốn huyện:* 0,32 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí

7.1. Xã có chợ nông thôn được xây dựng kiên cố và có đầy đủ các công trình phụ trợ; các khu vực kinh doanh được bố trí, sắp xếp bảo đảm các yêu cầu về trật tự, vệ sinh, văn minh.

7.2. Trên địa bàn xã không có tụ điểm kinh doanh tự phát, chợ phải có bố trí khu vực riêng dành cho những người buôn bán nhỏ, hàng rong, quà vật, người kinh doanh không thường xuyên tại chợ và phải chấp hành Nội quy chợ.

b) Kết quả thực hiện

7.1. Chợ xã được nâng cấp, sửa chữa, xây dựng kiot, hệ thống thoát nước đảm bảo phục vụ cho các hộ tiểu thương và Nhân dân trong xã. Có phương án phòng cháy chữa cháy và được cấp trên phê duyệt; vệ sinh an toàn thực phẩm; các hộ tiểu thương đã được đăng ký kinh doanh, tập huấn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Hiện đã được UBND huyện ra quyết định bàn giao chợ cho HTX Nông nghiệp Hùng Tiến quản lý và khai thác⁽¹⁾. Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ đều thực hiện đúng quy định.

7.2. Thường xuyên vận động những người buôn bán nhỏ, bán hàng rong tập trung về khu vực chợ xã để mua bán, không được mua bán lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè và chấp hành an toàn giao thông, vệ sinh môi trường.

8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính.

8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet.

8.3. Có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp; duy trì hoạt động thường xuyên.

8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, trong đó hệ số máy tính/số cán bộ công chức xã đạt tối thiểu 0,5 (50%).

b) Kết quả thực hiện

8.1. Xã có 01 điểm Bưu điện văn hóa đang hoạt động tốt, đảm bảo đáp ứng dịch vụ bưu chính.

8.2. Có 7/7 ấp đã được cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông, internet; phát triển mới 305 hộ sử dụng internet, kinh phí 0,5 tỷ đồng, hiện trên địa bàn xã có trên 80% hộ dân đăng ký sử dụng dịch vụ.

8.3. Xây mới 01 trạm truyền thanh tại khu hành chính xã, kinh phí 0,16 tỷ đồng. Hiện trên địa bàn xã có 01 trạm truyền thanh và 27 cụm loa không dây được bố trí phủ đều 7/7 ấp, hoạt động thường xuyên đúng theo quy định.

8.4. Trong công tác quản lý và điều hành xã có ứng dụng công nghệ thông tin; Các bộ phận chuyên môn của xã đều có bố trí máy vi tính, thực hiện nhận và gửi văn bản điều hành qua mạng Internet. Toàn xã có 20/20 cán bộ, công chức sử dụng máy vi tính, đạt 100%.

***Tổng kinh phí thực hiện:** 0,88 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn Trung ương:* 0,16 tỷ đồng;

- *Vốn doanh nghiệp:* 0,46 tỷ đồng;

- *Vốn dân:* 0,26 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

⁽¹⁾ Quyết định số 3990/QĐ – UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện Tiểu Cần về việc phê duyệt Phương án chuyển đổi mô hình tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý chợ Hùng Hòa, xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần; Quyết định số 779/QĐ – UBND ngày 17/4/2018 của UBND huyện Tiểu Cần về việc công nhận HTX nông nghiệp Hùng Tiến quản lý, kinh doanh, khai thác và quản lý chợ Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần; Quyết định số 695/QĐ – UBND ngày 14/3/2019 của UBND huyện Tiểu Cần về việc phê duyệt Phương án sắp xếp ngành hàng chợ Hùng Hòa, xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần.

a) Yêu cầu của tiêu chí

9.1. Không còn nhà tạm, dột nát; không còn hộ không có đất ở phát sinh trước 03 năm trở lên so với năm đánh giá.

9.2. Có trên 80% hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

9.1. Thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, chính sách đối với người có công, chính sách an sinh xã hội, chính sách dân tộc,...đồng thời chăm lo tốt cho gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn. Thời gian qua xã đã tập trung mọi nguồn lực thực hiện, vận động và hỗ trợ xây dựng được 172 căn nhà (Trong đó: 57 căn nhà theo Quyết định số 22; 01 căn nhà theo Quyết định số 33; 32 căn nhà tình thương và 82 căn dân tự xây), với tổng kinh phí 31,67 tỷ đồng. Đến nay trên địa bàn xã không còn nhà tạm, dột nát và không có hộ không có đất ở.

9.2. Đến nay toàn xã có 1.680/1.904 hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ xây dựng, đạt 88,2% (tăng 7,15% so năm 2017).

* Tổng kinh phí thực hiện:	31,67 tỷ đồng, trong đó:
- <i>Vốn Trung ương:</i>	2,8 tỷ đồng;
- <i>Vốn lồng ghép:</i>	0,1 tỷ đồng;
- <i>Vốn doanh nghiệp:</i>	1,02 tỷ đồng;
- <i>Vốn dân:</i>	27,75 tỷ đồng;

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí

Thu nhập bình quân đầu người/năm tối thiểu phải bằng 1,2 lần so với thu nhập bình quân đầu người/năm theo quy định hàng năm của xã đạt chuẩn nông thôn mới (*Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến 2021 là \geq 51 triệu đồng/người/năm*).

b) Kết quả thực hiện

Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các ngành đoàn thể tập trung chỉ đạo vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác, xây dựng nhiều mô hình kinh tế làm ăn có hiệu quả, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, giảm nghèo. Năm 2021 thu nhập bình quân đầu người đạt 61,25 triệu đồng/người/năm (tăng 24,05 triệu đồng so năm 2017).

* Tổng kinh phí thực hiện:	12,09 tỷ đồng, trong đó:
- <i>Vốn Trung ương:</i>	11,77 tỷ đồng;
- <i>Vốn huyện:</i>	0,32 tỷ đồng;

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 (*trừ các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội*) chiếm dưới 2%.

b) Kết quả thực hiện

Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội để hỗ trợ cho hộ nghèo. Cụ thể: Vận động MTQ hỗ trợ 3.453 phần quà cho hộ nghèo, cận nghèo hộ có hoàn cảnh khó khăn, dự án AMD hỗ trợ thành lập tổ hợp tác chăn nuôi gà, vịt cho 32 hộ nghèo cận nghèo,... Qua điều tra hộ nghèo cuối năm 2021, toàn xã còn 5 hộ nghèo, trừ 03 hộ nghèo BTXH xã còn 2/1.904 hộ nghèo chiếm 0,1% (*giảm 2,15% so năm 2017*).

* Tổng kinh phí thực hiện:	5,35 tỷ đồng, trong đó:
- <i>Vốn Trung ương:</i>	2,35 tỷ đồng;
- <i>Vốn lồng ghép:</i>	0,47 tỷ đồng;
- <i>Vốn doanh nghiệp:</i>	0,48 tỷ đồng;
- <i>Vốn dân:</i>	2,05 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 95% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động địa phương, tạo việc làm mới cho 843 lao động đi làm việc trong và ngoài tỉnh; giới thiệu 12 lao động làm việc ở nước ngoài. Nâng tổng số đến nay trên địa bàn xã có 4.151/4.366 người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động có việc làm, đạt 95,07% (*tăng 3,1% so năm 2017*).

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

13. Tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí

13.1. Xã có ít nhất 01 hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và thật sự có hiệu quả.

13.2. Xã có ít nhất 01 mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với định hướng phát triển dịch vụ du lịch tại địa phương.

13.3. Thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

13.4. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đạt từ 80% trở lên; có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.

b) Kết quả thực hiện

13.1. Xã có 02 Hợp tác xã⁽²⁾ hoạt động hiệu quả và đảm bảo đúng theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, với các lĩnh vực hoạt động như: cung cấp lúa giống chất lượng cao, vật tư nông nghiệp (*phân bón, thuốc BVTV*), kinh doanh quản lý chợ, thu mua buôn bán cây có múi,... tổng doanh thu bình quân hàng năm đạt khoảng 15 tỷ đồng. Bên cạnh đó thành viên Hỗ trợ HTX bưởi da xanh được dự án AMD hỗ trợ áp dụng mô hình trồng cây có múi xen dừa áp dụng hệ thống tưới phun, HTX Hùng Tiến được hỗ trợ mô hình trồng lúa áp dụng hệ thống thâm canh cải tiến kỹ thuật SRI.

13.2. Xã xây dựng được mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa, với diện tích 120 ha. Thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị được 25 ha lúa chất lượng cao sử dụng phân bón thông minh, thông qua Hợp tác xã nông nghiệp Hùng Tiến (*HTX cung ứng vật tư đầu vào và ký kết với HTX Nông nghiệp Huyện Hội bao tiêu tiêu đầu ra cho bà con nông dân*) là sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo hiệu quả, chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.

13.3. Xã có xây dựng kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành hàng lúa gạo kế hoạch hàng năm và giai đoạn 2020 – 2025 là hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch kinh tế nông thôn.

13.4. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đạt trên 90%; xã có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất cụ thể: sản xuất lúa ngậm khô xen kẽ, sản xuất theo hướng phân hữu cơ sinh học, mô hình canh tác lúa sử dụng phân bón thông minh, mô hình trồng cây có múi theo hướng thực hành nông nghiệp sạch,...

* **Tổng kinh phí thực hiện:** 3,21 tỷ đồng, trong đó:

- *Vốn Tỉnh:* 1,06 tỷ đồng;

- *Vốn lồng ghép:* 0,5 tỷ đồng;

- *Vốn dân:* 1,65 tỷ đồng;

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo

a) Yêu cầu của tiêu chí

14.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3.

14.2. Có trên 90% học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (*phổ thông, bổ túc, học nghề*).

14.3. Không có học sinh bỏ học, không có học sinh vi phạm đạo đức hạnh kiểm kém, vi phạm pháp luật, chiếm dưới 2%.

14.4. Có trên 65% lao động có việc làm qua đào tạo.

14.5. Có 100% lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp

⁽²⁾ Hợp tác xã nông nghiệp Hùng Tiến, vốn Điều lệ 0,41 tỷ đồng, có 127 thành viên và 01 Hợp tác xã Bưởi da xanh, vốn điều lệ 0,3 tỷ đồng, có 52 thành viên.

thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn cho phù hợp.

b) Kết quả thực hiện

14.1. Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (theo quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND huyện Tiểu Cần); đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 (theo quyết định số 3849/QĐ-UBND ngày 4/12/2020 của UBND huyện Tiểu Cần).

14.2. Năm học 2020 – 2021 có 59/59 em học sinh tốt nghiệp THCS, đạt 100%, trong đó có 59/59 em học sinh được tiếp tục học trung học phổ thông, bỏ túc và học nghề, đạt 100% (tăng 3,9% so năm 2017).

14.3. Năm học 2020 – 2021 có 2/368 em học sinh bỏ học giữa chừng, chiếm 0,54% (giảm 3,1% so năm 2017), không có học sinh vi phạm đạo đức hạnh kiểm kém, vi phạm pháp luật.

14.4. Phối hợp tổ chức được 5 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, có 120 lao động tham gia, kinh phí 0,43 tỷ đồng. Hiện trên địa bàn xã có 3.040/4.151 lao động có việc làm qua đào tạo, đạt 73,09% (tăng 11,59% so năm 2017).

14.5. Phối hợp các ngành chuyên môn của tỉnh, huyện tổ chức được 23 lớp tập huấn chuyển giao KHKT cho 726 lao động nông thôn. Hiện toàn xã có 4.366 người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn cho phù hợp, đạt 100%.

***Tổng kinh phí thực hiện:** 0,43 tỷ đồng, Trung ương.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

15. Tiêu chí số 15 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí

15.1. Có trên 90% người dân tham gia BHYT trên dân số theo niên giám thống kê.

15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia.

15.3. Có dưới 15% trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).

15.4. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân được đảm bảo; công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch được thực hiện có hiệu quả; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

b) Kết quả thực hiện

15.1. Hiện toàn xã có 6.382/6.859 người dân tham gia bảo hiểm y tế, đạt 93,05% (tăng 0,48% so năm 2017).

15.2. Xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế năm 2015 và được tái công nhận năm 2018 theo Quyết định số 2712/QĐ-UBND, ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh. Năm 2020 Trạm Y tế xã được Trung tâm Y tế và Phòng Y tế huyện Tiểu

Cần kiểm tra đạt 93,3 điểm, đạt theo yêu cầu Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

15.3. Toàn xã có 17/365 trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi, chiếm 3,65%.

15.4. Trạm y tế xã thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, đảm bảo cho người dân được hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu; kiểm soát các dịch, bệnh được thực hiện có hiệu quả; không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

* Tổng kinh phí thực hiện:	15,57 tỷ đồng, trong đó:
- <i>Vốn Trung ương:</i>	6,75 tỷ đồng;
- <i>Vốn dân:</i>	8,82 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

16.1. Có trên 85% áp đạt tiêu chuẩn áp Văn hóa và áp Nông thôn mới.

16.2. Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được đảm bảo và thu hút nhiều người dân tham gia; bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương; xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

b) Kết quả thực hiện

16.1. Có 7/7 áp được UBND huyện công nhận đạt chuẩn áp văn hóa, nông thôn mới theo Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh, đạt 100%.

16.2. Xã duy trì tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và thu hút nhiều người dân tham gia. Cụ thể: phối hợp tổ chức giao lưu đờn ca tài tử, các hoạt động thể thao như giao lưu bóng đá, bóng chuyền, cầu lông,... Bên cạnh đó, xã có bảo tồn được các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao truyền thống của địa phương như: các trò chơi dân gian, nhạc cụ, đua ghe ngo, nhạc ngũ âm của đồng bào dân tộc khmer và đờn ca tài tử; vận động Nhân dân thực hiện tốt phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với xây dựng nông thôn mới; Tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao cấp xã thu hút trên 210 vận động viên tham gia và 520 lượt cổ động viên tham gia cổ vũ. Vận động Mạnh thường quân, nhà hảo tâm trong và ngoài xã hỗ trợ trên 2.800 phần quà (*Bao gồm: tiền mặt và nhu yếu phẩm*) hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, hộ bảo trợ xã hội,... vượt qua đại dịch Covid – 19.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Yêu cầu của tiêu chí

17.1. Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% hộ dân trên địa bàn toàn xã.

17.2. Có trên 99% hộ sử dụng nước hợp vệ sinh; trong đó có trên 75% hộ sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung

17.3. Có 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

17.4. Xây dựng cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

17.5. Xã có quy hoạch nghĩa trang hoặc xây dựng nghĩa trang liên xã (*đối với xã có đông đồng bào dân tộc Khmer có nhà hỏa táng*); Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

17.6. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, chợ, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định; (*trong đó: tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định là $\geq 70\%$; có mô hình, tổ chức phân loại và thu gom rác*).

17.7. Có trên 80% hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo 3 sạch.

17.8. Có trên 80% hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

17.9. Có 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

17.10. Các cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn xã phải đạt chuẩn văn hóa.

17.11. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (*nếu có*), phải đảm bảo xa khu dân cư và được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh bao bọc xung quanh.

b) Kết quả thực hiện

17.1. Nâng cấp trạm cấp nước sinh hoạt xã và mở rộng 8 tuyến nước sạch, dài 19 km, kinh phí 1,9 tỷ đồng. Hiện trên địa bàn xã có 01 nhà máy nước và 01 trạm cấp nước với 41 tuyến nước sạch dài 58 km, đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% hộ dân (*tăng 30,5% so năm 2017*).

17.2. Đến nay trên địa bàn xã có 1.904/1.904 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt 100%, trong đó có 1.435/1.904 hộ sử dụng nước sạch, đạt 75,36% (*tăng 5,56% so 2017*).

17.3. Toàn xã có 93/93 cơ sở đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường, đạt 100%.

17.4. Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, hàng tuần cán bộ xã, ấp và Nhân dân tập trung trồng cây xanh, vệ sinh cảnh quan môi trường ở dọc các tuyến lộ, ở khu dân cư, ngõ xóm và các tuyến kênh,... Đến nay xã được UBND huyện công nhận 04 tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp, dài 5,72km, có 1.430/1.904 hộ có hàng rào cây xanh đạt 75,1% (*so năm 2017 tăng thêm 3 tuyến với chiều dài 5,12km, tăng 475 hộ có hàng rào*). Các cơ quan, trường học, cơ sở thờ tự, hộ dân,... thường xuyên chỉnh trang cảnh quan môi trường, trồng hoa, cây xanh đảm bảo môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, toàn xã có 14.350 m² cây xanh (*tương đương 2,09m²/người*).

17.5. Hiện nay trên địa bàn xã có 01 nghĩa trang nhân dân diện tích 0,5 ha và 01 nhà hỏa táng được xây dựng đúng theo quy định và theo quy hoạch; việc mai táng được thực hiện phù hợp với phong tục địa phương và đúng theo quy định.

17.6. Vận động 127/148 hộ dân cấp tuyến quốc lộ 54, đường vào trung tâm xã, khu vực chợ xã và tuyến đường 3,5 m đăng ký thu gom rác, đạt 85,8%; chất thải ở khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom và xử lý theo quy định. Rác thải Trạm y tế xã được thu gom về kho chứa của Trung tâm y tế huyện và vận chuyển đi xử lý tại lò đốt rác thải y tế của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cần. Xã có bố trí 57 công bê tông chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật ở các khu sản xuất tập trung và được thu gom đúng theo quy định; trên toàn xã có 1.885/1.904 hộ có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đúng theo quy định, đạt 99%. Ủy ban nhân dân xã xây dựng quy ước bảo vệ môi trường và được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt (theo quyết định số 7817/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND huyện Tiểu Cần).

17.7. Vận động xây mới, sửa chữa và nâng cấp 103 hố xí hợp vệ sinh, kinh phí 0,78 tỷ đồng. Nâng tổng số đến nay toàn xã có 1.844/1.904 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo 3 sạch, đạt 96,85% (tăng 1,85% so năm 2017).

17.8. Vận động xây dựng 73 hầm biogas, kinh phí 0,73 tỷ đồng. Hiện toàn xã có 312/355 hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt 87,9% (tăng 1,2% so năm 2017).

17.9. Trên địa bàn xã có 1.349/1.349 hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100% (Bao gồm: Lĩnh vực nông nghiệp 1.263 hộ; Lĩnh vực công thương 61 hộ và Lĩnh vực y tế 25 hộ, trong đó có 01 hộ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP).

17.10. Trên địa bàn xã có 4/4 cơ quan, đơn vị (cơ quan UBND xã, đơn vị trường Mẫu giáo, đơn vị trường Tiểu học, đơn vị trường THCS) đóng trên địa bàn xã đạt chuẩn văn hóa, đạt 100%.

17.2.11. Xã không có bãi chứa rác tập trung.

* Tổng kinh phí thực hiện:	4,43 tỷ đồng, trong đó:
- <i>Vốn trung ương:</i>	0,07 tỷ đồng.
- <i>Vốn doanh nghiệp:</i>	4 tỷ đồng.
- <i>Vốn dân:</i>	0,36 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí

18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.

18.3. Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.

18.4. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt từ loại khá trở lên.

18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b) Kết quả thực hiện

18.1. Xã có 20/20 cán bộ, công chức (*20 Đại học*) đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Các cán bộ, công chức xã không bị xử lý kỷ luật.

18.2. Xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở: Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (*Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên*) đúng theo quy định.

18.3. Năm 2021 Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

18.4. Năm 2021, các tổ chức chính trị - xã hội của xã được ngành dọc cấp trên công nhận đạt loại tốt trở lên⁽³⁾.

18.5. Xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021.

18.6. Xã luôn kịp thời kiện toàn Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ và hoạt động có hiệu quả; thời gian qua đã phối hợp với các ngành đoàn thể xã và các ngành cấp trên đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới, qua đó tạo được sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức về bình đẳng giới đối với người dân trên địa bàn xã, kết quả tuyên truyền được 123 cuộc có 3.253 lượt cán bộ, hội viên phụ nữ và người dân tham dự; tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, vận động về công tác phụ nữ và bình đẳng giới đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; nâng cao vai trò, vị trí, tạo mọi điều kiện để phụ nữ phát triển và thực hiện tốt bình đẳng giới trong xã hội; tuyên truyền về kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ, tự phòng ngừa bạo lực xâm hại cho phụ nữ, trẻ em. Đồng thời xây dựng 01 địa chỉ tin cậy tại cộng đồng để hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình, từ đó trên địa bàn xã không có tình trạng bạo lực gia đình. Xã có 03/15 nữ là ủy viên cấp ủy, đạt 20% (*trong đó có 01 cán bộ chủ chốt là Bí thư Đảng ủy, 01 Chủ tịch UBMT TQ VN xã và 01 Phó Trưởng ban tuyên giáo Đảng ủy*).

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

⁽³⁾Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hội Nông dân được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hội Phụ nữ được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Đoàn thanh niên được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Cựu chiến binh được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc tốt nhiệm vụ.

19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí

19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương.

19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: trên địa bàn xã không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

19.3. Có trên 90% ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

19.4. Xã có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện

19.1. Ban Chỉ huy Quân sự xã được xây dựng đúng theo Luật Dân quân tự vệ và Đề án của UBND tỉnh gồm: 01 đồng chí Chỉ huy trưởng là thành viên UBND, 01 đồng chí Phó chỉ huy trưởng, 01 đồng chí Chính trị viên, 01 đồng chí Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm; Chỉ huy trưởng và Phó chỉ huy trưởng đều được qua đào tạo trình độ đại học, hàng năm đều tham gia đầy đủ các lớp tập huấn bồi dưỡng về chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ do trên triệu tập; Ban Chỉ huy Quân sự xã có nơi làm việc đúng theo quy định và được bố trí đầy đủ các trang thiết bị hoạt động; tổng số lực lượng dân quân trên địa bàn xã là 110 đồng chí đạt 1,60% so với dân số; tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân có 34/110 đồng chí, đạt 31%, tỷ lệ phát triển Đảng hàng năm trong lực lượng dân quân đều đạt theo quy định; Áp đội trưởng 7/7 ấp đều là đảng viên, đạt 100%; xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” đảm bảo về số lượng và chất lượng theo đề án của UBND tỉnh và Thông tư 77 của Bộ quốc phòng; điều động duy trì nghiêm lực lượng dân quân trực sẵn sàng chiến đấu tại cơ quan và trong các ngày lễ tết đúng theo kế hoạch của trên; thực hiện công tác phối với lực lượng công an theo Nghị định 03/02/NĐ – CP; công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm đưa quân về trên đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Năm 2021 xã được tái công nhận xã vững mạnh về Quốc phòng an ninh.

19.2. Hàng năm Đảng ủy có đề ra Nghị quyết, UBND xã có xây dựng Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; xã được công nhận đạt tiêu chuẩn xã “an toàn về an ninh trật tự” năm 2021. Trên địa bàn xã không có xảy ra khiếu kiện đông người kéo dài; không xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm so với các năm trước.

19.3. Xã có 7/7 ấp được tái công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự, đạt 100%.

19.4. Xã tổ chức xây dựng có hiệu quả các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn. Hiện toàn xã có 05 mô hình, Câu lạc bộ và 57 Tổ tự quản hoạt động tốt.

* **Tổng kinh phí thực hiện:** 0,36 tỷ đồng, trong đó:
- **Vốn lồng ghép:** 0,11 tỷ đồng.

- *Vốn dân:* 0,25 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

20. Tiêu chí số 20 về Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí

20.1. Xã có thực hiện cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định.

20.2. Thực hiện tốt các quy định về dân chủ cơ sở; các ấp có xây dựng và thực hiện hiệu quả quy ước, hương ước cộng đồng.

20.3. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.

b) Kết quả thực hiện

20.1. Duy trì và thực hiện tốt công tác cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định, từng bước nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, không gây phiền hà cho Nhân dân. Trong năm tiếp nhận giải quyết 5.325 hồ sơ, trả kết quả hồ sơ đúng hạn đạt 100%. Rà soát, tiến hành xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính cấp xã được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành. Thực hiện tốt việc duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Đồng thời, thực hiện tốt công tác gửi, nhận văn bản điện tử qua hệ thống I-Office.

20.2. Xã thực hiện tốt các quy định về dân chủ cơ sở, những nội dung phải công khai cho dân biết, dân bàn được niêm yết công khai và thực hiện nghiêm túc đúng theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH 11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể: lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, nạo vét kênh, bình nghị tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo,... đều được đưa ra dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Có 7/7 ấp xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng, đạt 100%.

20.3. Có 100% cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, trong thực hiện nhiệm vụ có thể hiện tốt đạo đức công vụ như: tác phong, ứng xử, thái độ,... khi tiếp xúc Nhân dân, đúng theo quy định tại Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg, ngày 02/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 1847/QĐ-TTg, ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ; Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV, ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương. Các quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, tác phong đạo đức công vụ đều được niêm yết công khai tại bộ phận một cửa.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

III. VỀ TÌNH HÌNH NỢ ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Tính đến thời điểm hiện tại, xã Hùng Hòa không còn nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao.

B. KẾT LUẬN

I. VỀ HỒ SƠ

Xã Hùng Hòa có đầy đủ các văn bản theo quy định.

II. VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

Tổng số tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Hùng Hòa đã được UBND huyện Tiểu Cần thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra đạt 20/20 tiêu chí, đạt 100%.

III. VỀ TÌNH HÌNH NỢ ĐONG XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Tính đến thời điểm được UBND huyện thẩm tra, đơn vị xã Hùng Hòa không còn nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã.

C. KIẾN NGHỊ

- Các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các xã trên địa bàn huyện xem xét, đóng góp ý kiến để UBND huyện hoàn thành báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định.

- Thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện xem xét đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua đề nghị công nhận xã Hùng Hòa đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021.

- Chủ tịch UBND tỉnh thẩm tra công nhận xã Hùng Hòa đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TT.BCĐ tỉnh;
- VPĐP tỉnh;
- TT.HU;
- TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- BCĐ huyện;
- VPĐP huyện;
- UBND các xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**